TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2026/HS-ST
Ngày 30 - 3 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lý Thị Minh Yên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Đức Việt và bà Vũ Thị Lan Hương

Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Thu Hiền - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 6 - Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Lào Cai tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Lan Hương và bà Nguyễn Thị Phương T - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Lào Cai. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 15/2026/TLST- HS ngày 22 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2026/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Cù Thị H, T1 gọi khác: Không, Sinh ngày: 21/3/1959 tại Phú Thọ; Số CCCD: 025159003845 cấp ngày 25/4/2022, Nơi cấp Cục CSQLHC về TTXH Bộ C1; Nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Thôn T xã C, tỉnh Lào Cai; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Giới tính: Nữ, Tôn giáo: Không, Trình độ học vấn: 7/12, Nghề nghiệp: Lao động tự do, con ông Cù Văn X (đã chết) và con bà Phùng Thị V (đã chết); Bị cáo không có chồng, con; Tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/9/2025, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh L. Có mặt.

2. Nguyễn Thị Bích Đ, T1 gọi khác: Không; Sinh ngày: 06/8/1989, tại tỉnh Ninh Bình; Số CCCD: 015189004300 cấp ngày 26/01/2022; Nơi cấp Cục CSQLHC về TTXH Bộ C1; Nơi đăng ký HKTT: Thôn A, xã B, tỉnh Lào Cai; Chỗ ở: Thôn T, xã C, tỉnh Lào Cai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ ; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn L (đã chết) và con bà: Trần Thị L1; Có chồng là Đàm Việt B và có 03 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/9/2025 đến ngày 31/12/2025 thay thế biện pháp ngăn chặn "Bảo lĩnh" và tạm hoãn xuất cảnh. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

3. Trần Thị G, T1 gọi khác: Không; Sinh ngày: 20/7/1961 tại tỉnh Ninh Bình; Số CCCD: 035161005475, cấp ngày 24 tháng 6 năm 2021, nơi cấp: C06-Bộ C1; Nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Tổ C Lào Cai, phường L, tỉnh Lào Cai; Quốc tịch: Việt Nam ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn:

4/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trần Văn Đ1 (đã chết) và con bà Lê Thị V1 (đã chết); Có chồng là Phạm Văn N và có 03 con; Tiền án; Tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 92/2011/HSST ngày 24/8/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai xử phạt 2 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Tàng trữ hàng cấm" quy định tại khoản 1 Điều 155 BLHS; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 28 ngày 28/5/1998 của Phòng CSKT Công an tỉnh L xử phạt 100. 000 đồng về hành vi "Vận chuyển hàng hóa trái phép"; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/9/2025 đến ngày 31/12/2025 thay thế biện pháp ngăn chặn "Bảo lĩnh" và tạm hoãn xuất cảnh. Có mặt.

4. Hoàng Thị T2, T1 gọi khác: Không, Sinh ngày: 02/7/1984 tại tỉnh Ninh Bình; Số CCCD: 035184010929 cấp ngày 08/7/2024; Nơi cấp Cục CSQLHC về TTXH Bộ C1; Nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Tổ D K, phường L, tỉnh Lào Cai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Hoàng Văn T3 và con bà Nguyễn Thị L2; Có chồng là Dương Việt C và có 03 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2021; Tiền án; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/9/2025 đến ngày 31/12/2025 thay thế biện pháp ngăn chặn "Bảo lĩnh" và tạm hoãn xuất cảnh. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Cù Thị H và bị cáo Nguyễn Thị Bích Đ: Ông Nguyễn Văn V2 và bà Trần Thị Hải H1, Luật sư, Công ty L3, Đoàn Luật sư thành phố H. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 08 giờ 50' ngày 04 tháng 9 năm 2025, Đồn Biên phòng Cửa khẩu Quốc tế L4 phối hợp với Phòng an ninh điều tra Công an tỉnh L, Hải quan Cửa khẩu quốc tế L4 thực hiện nhiệm vụ tại khu vực quốc môn Cửa khẩu Quốc tế L4 thuộc tổ B phường L, tỉnh Lào Cai kiểm tra phát hiện lập biên bản phạm tội quả tang đối với Cù Thị H, Nguyễn Thị Bích Đ, Hoàng Thị T2, Trần Thị G nhập cảnh từ Trung Quốc vào Việt Nam đang có hành vi vận chuyển trái phép vàng. Quá trình điều tra xác định cả 4 bị cáo đều được người Trung Quốc thuê vận chuyển vàng về Việt Nam qua cửa khẩu Quốc tế L4 với số lượng 09 mảnh trang sức màu vàng hình chữ nhật có tổng khối lượng 2.533,2 gam, trong đó:

* *Cù Thị H và Hoàng Thị T2:* Cùng ngày 04/9/2025, khoảng 07 giờ Cù Thị H và khoảng 8 giờ Hoàng Thị T2 xuất cảnh từ Việt Nam sang Trung Quốc qua Cửa khẩu Quốc tế L4 bằng sổ thông hành để xách hàng thuê. Tại khu vực nhà vệ sinh công cộng, H gặp một người đàn ông Trung Quốc khoảng 50 tuổi, dáng người to cao, da ngăm đen thuê vận chuyển về Việt Nam 03 miếng kim loại màu vàng trên mỗi miếng có một lỗ tròn luồn sợi dây dù màu đen buộc thành vòng có tổng khối lượng 849,4 gam với tiền công 300.000 đồng. Người đàn ông hẹn sau khi H làm xong thủ tục thông hành sẽ gặp tại khách sạn S2 và trả công 300.000 đồng. H đồng ý. H đi vào nhà vệ sinh thì người đàn ông nói với H đeo 03 miếng vàng đó vào cổ

nên H làm theo người đàn ông đó yêu cầu. Người đàn ông Trung Quốc đó xin số điện thoại của H, H cũng yêu cầu người đàn ông đó bấm lại cho H số điện thoại nhưng người đó nói không cần. Khi chuẩn bị làm thủ tục xuất cảnh thì H gặp Hoàng Thị T2 cũng là người đi chợ cùng với H. Do T2 chưa nhận được hàng gì để vận chuyển về Việt Nam nên T2 hỏi H *"Có hàng gì không"*. H trả lời *"Hôm nay không có hàng gì, chỉ có ít hàng trang sức*". T2 nói với H *"Có thì nhận cho cháu*". H quay lại tìm gặp người đàn ông Trung Quốc đã đưa 03 miếng vàng cho H và hỏi: "*Cố cố (tức là anh), có còn không cho xin một miếng".* Người đàn ông đó đưa thêm cho H một gói giấy màu trắng và nói với H đó là đồ trang sức bằng vàng. H mở ra xem, bên trong là 01 miếng kim loại màu vàng giống với 03 miếng vàng mà người đàn ông thuê H mang về Việt Nam. H gọi T2 và đưa cho T2 xem và nói *"Đồ trang sức vàng đây, xem có mang được không thì mang",* T2 đồng ý. H gói lại miếng vàng trang sức đó vào giấy và đưa cho T2. H lấy số điện thoại của T2, sau đó H và T2 làm thủ tục nhập cảnh về Việt Nam. Sau khi làm xong thủ tục nhập cảnh về đến C Lào Cai, H và T2 đã bị lực lượng chức năng kiểm tra bắt giữ cùng tang vật.

Ngoài ra, H và T2 khai nhận ngày 03/9/2025 cũng được người đàn ông này thuê vận chuyển 02 miếng, H là người nhận vận chuyển thuê sau đó đưa lại cho T2 01 miếng đeo ở cổ nhập cảnh về V. Sau khi nhập cảnh vào Việt Nam, T2 giao lại miếng trang sức vàng cho H để H giao cho người đàn ông Trung Quốc. H đã nhận 200.000 đồng tiền công vận chuyển 02 miếng trang sức vàng từ người đàn ông Trung Quốc gồm 100.000 đồng của H và 100.000 đồng của T2 nhưng H chưa kịp đưa cho T2 100.000 đồng tiền công đó.

** Nguyễn Thị Bích Đ:* Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 04/9/2025, Đ xuất cảnh từ Việt Nam sang Trung Quốc qua Cửa khẩu Quốc tế L4 bằng sổ thông hành để xách hàng thuê. Khi sang Trung Quốc, Đào đi mua 01 túi đũa, sau đó ra khu vực sân cửa khẩu H3 để gọi điện cho một người phụ nữ Trung Quốc mà Đào lưu số điện thoại của người đó trong điện thoại di động là "tq", số điện thoại 0387078898 (Đào không biết tên, địa chỉ cụ thể). Đ gọi điện cho người phụ nữ đó để nhận hàng vận chuyển từ Trung Quốc về Việt Nam cho Nguyễn Hồng T4 (sinh năm 1982, trú tại số nhà E đường N phường C, tỉnh Lào Cai). Khi gặp người phụ nữ, Đ và người đó nói chuyện bằng tiếng Việt. Đào hỏi người phụ nữ *"Hàng của A T5 đâu"*, người phụ nữ trả lời *"Không có"*. Người phụ nữ này thuê Đ vận chuyển trang sức từ Trung Quốc về Việt Nam với tiền công 100.000 đồng/01 miếng, đồng thời lấy từ trong túi xách ra cho Đào xem 03 miếng kim loại màu vàng hình chữ nhật giống nhau, trên mỗi miếng có một lỗ tròn luồn sợi dây dù màu đen buộc thành vòng. Đ đồng ý. Người phụ nữ lấy 03 miếng kim loại màu vàng đeo vào cổ cho Đ và dặn Đ *"Mang về Việt Nam, sẽ đón ở khu vực ngân hàng gần cửa khẩu của Việt Nam để lấy hàng rồi sẽ trả tiền công 300.000 đồng".* Sau khi làm xong thủ tục nhập cảnh về đến Cửa khẩu Quốc tế L4, Đ đã bị lực lượng chức năng kiểm tra bắt giữ cùng tang vật.

Ngoài ra, Đ khai nhận ngày trước đó đã nhận vận chuyển hàng từ người phụ nữ Trung Quốc đó 02 lần:

Lần thứ nhất: Đào không nhớ rõ thời gian, vận chuyển hàng mạng có nhiều túi buộc lại với nhau, không biết bên trong là hàng gì. Số hàng này do Nguyễn Hồng T4 thuê sang Trung Quốc gặp người phụ nữ này để nhận hàng mang về Việt Nam nhưng khi về đến Việt Nam thì T4 nói với Đào giao lại hàng cho người phụ nữ Trung Quốc đó vì T4 không có nhà.

Lần thứ hai: Ngày 03/9/2025, T4 cũng thuê Đ sang Trung Quốc gặp người phụ nữ Trung Quốc để nhận vận chuyển một túi hàng mạng. Ngoài ra, người phụ nữ này cũng thuê Đ vận chuyển một bọc nhỏ màu trắng để rời bên ngoài túi hàng mạng, người phụ nữ nói đó là trang sức nhưng Đ không mở ra xem nên không biết cụ thể đó là gì. Khi về Việt Nam, Đ gọi điện để giao hàng mạng cho T4 thì T4 nói với Đ cứ giao cho người phụ nữ Trung Quốc nên Đ đã giao cả túi hàng mạng và bọc nhỏ màu trắng cho người phụ nữ Trung Quốc thì được người phụ nữ trả tiền công 400.000 đồng (Tiền công vận chuyển hàng của T4 và của người phụ nữ Trung Quốc cho cả lần thứ nhất và lần thứ 2).

* *Trần Thị G:* Khoảng 07 giờ 10 phút ngày 04/9/2025, Trần Thị G xuất cảnh từ Việt Nam sang Trung Quốc qua Cửa khẩu Quốc tế L4 bằng sổ thông hành để buôn bán hàng hóa thì gặp 01 người phụ nữ (khoảng 40 tuổi, nói được tiếng Việt Nam, không rõ nhân thân, lai lịch) cầm 02 miếng kim loại màu vàng trên mỗi miếng có một lỗ tròn luồn sợi dây dù màu đen buộc thành vòng có tổng khối lượng 560,8 gam thuê Trần Thị G vận chuyển qua cửa khẩu Quốc tế L4 với tiền công 200.000 đồng. Gái đồng ý. Gái cầm 02 miếng kim loại màu vàng có xâu sẵn dây đeo vào cổ và kéo khóa áo để che kín nhằm tránh bị lực lượng chức năng phát hiện. Người phụ nữ nói với G cứ mang 02 miếng vàng về Việt Nam trước, sẽ đi sau và hẹn gặp G tại khu vực đổi tiền cạnh bể bơi của khách sạn S2 (Việt Nam) để nhận lại 02 miếng vàng và trả tiền công. Sau khi làm xong thủ tục nhập cảnh về đến Cửa khẩu Quốc tế L4, Trần Thị G đã bị lực lượng chức năng kiểm tra bắt giữ cùng tang vật.

Tại Cơ quan điều tra, các bị can Cù Thị H, Nguyễn Thị Bích Đ, Hoàng Thị T2, Trần Thị G đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

*Tại bản Kết luận giám định số 300/KL-KTHS ngày 05/9/2025 của V3 Bộ C1 đối với khối lượng và hàm lượng vàng, kết luận: 03 miếng kim loại hình chữ nhật màu vàng, cùng kích thước, một mặt dẹt, một mặt lồi có in hình Đức Phật, chính giữa mép trên mỗi miếng kim loại có 01 lỗ nhỏ đều luồn 01 dây dù mầu đen ghi thu của **Nguyễn Thị Bích Đ** gửi giám định có tổng khối lượng **841,6 gam** đều là vàng (A), hàm lượng Au trung bình 99,95%. 03 miếng kim loại hình chữ nhật màu vàng, cùng kích thước, một mặt det, một mặt lồi có in hình Đức Phật, chính giữa mép trên mỗi miếng kim loại có 01 lỗ nhỏ đều luồn 01 dây dù mầu đen ghi thu của **Cù Thị H** gửi giám định có tổng khối lượng **849,4 gam** đều là là vàng (A), hàm lượng Au trung bình 99,95%. 02 miếng kim loại hình chữ nhật màu vàng, cùng kích thước, một mặt dẹt, một mặt lồi có in hình Đức Phật, chính giữa mép trên mỗi miếng kim loại có 01 lỗ nhỏ đều luồn 01 dây dù mầu đen ghi thu của **Trần Thị G** gửi giám định có tổng khối lượng **560,8 gam** đều là vàng (A), hàm lượng Au trung bình 99,95%. 01 miếng kim loại hình chữ nhật màu vàng, cùng kích thước, một mặt dẹt, một mặt

lồi có in hình Đức Phật, chính giữa mép trên miếng kim loại có 01 lỗ nhỏ luồn 01 dây dù mầu đen ghi thu của **Hoàng Thị T2** gửi giám định có khối lượng **281,4 gam** đều là vàng (A), hàm lượng Au trung bình 99,95%.

* Tại bản Kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐGTS ngày 01/12/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự phường Y, kết luận: (1) 03 miếng vàng (A1), hàm lượng Au trung bình 99,95% có cùng kích thước, một mặt dẹt, một mặt lồi có in hình Đức Phật. Chính giữa mép trên mỗi miếng vàng có 01 lỗ nhỏ để luồn dây. Tổng khối lượng 03 miếng vàng là 841,6 gam có giá trị tại thời điểm ngày 04/9/2025 là **2.603.272.000 đồng**. (2) 03 miếng vàng (A), hàm lượng Au trung bình 99,95% có cùng kích thước, một mặt dẹt, một mặt lồi có in hình Đức Phật. Chính giữa mép trên mỗi miếng vàng có 01 lỗ nhỏ để luồn dây. Tổng khối lượng 03 miếng vàng là 849,4 gam có giá trị tại thời điểm ngày 04/9/2025 là **2.627.400.000 đồng**. (3) 02 miếng vàng (A1), hàm lượng Au trung bình 99,95% có cùng kích thước, một mặt dẹt, một mặt lồi có in hình Đức Phật. Chính giữa mép trên mỗi miếng vàng có 01 lỗ nhỏ để luồn dây. Tổng khối lượng 02 miếng vàng là 560,8 gam có giá trị tại thời điểm ngày 04/9/2025 là **1.734.664.000 đồng**. (4) 01 miếng vàng (A), hàm lượng Au trung bình 99,95% một mặt dẹt, một mặt lồi có in hình Đức Phật. Chính giữa mép trên miếng vàng có 01 lỗ nhỏ để luồn dây có khối lượng miếng vàng là 281,4 gam có giá trị tại thời điểm ngày 04/9/2025 là **870.464.000 đồng**.

Cáo trạng số 13/CT-VKS-P2 ngày 21/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai truy tố các bị cáo về tội *"Vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới"* theo khoản 3 Điều 189 Bộ luật hình sự;

Tại phiên toà, các bị cáo khai nhận: toàn bộ hành vi phạm tội của mình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Lào Cai trình bày lời luận tội và tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Cù Thị H, Hoàng Thị T2, Nguyễn Thị Bích Đ, Trần Thị G về tội *"Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới"* theo khoản 3 Điều 189 Bộ luật Hình sự và Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 3 Điều 189, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 58, 38 BLHS, xử phạt Cù Thị H 05 năm 06 tháng tù đến 06 năm 06 tháng về tội "Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới".

Áp dụng khoản 3 Điều 189, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 58, Điều 35 BLHS, Áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo Hoàng Thị T2, số tiền 1.000.000.000 đồng đến 1.050.000.000 đồng;

Áp dụng khoản 3 Điều 189, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 BLHS, Phạt tiền 1.100.000.000 đồng đến 1.200.000.000 đồng đối với Nguyễn Thị Bích Đ;

Áp dụng khoản 3 Điều 189, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 BLHS, Phạt tiền 1.050.000.000 đồng đến 1.100.000.000 đồng đối với Trần Thị G;

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo; tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Cù Thị H nhất trí quan điểm về tội danh như Viện kiểm sát đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo về hoàn cảnh gia đình, bị cáo là người cao tuổi, không có chồng, con, không có việc làm, không có thu nhập, nguồn sống chính là đi làm thuê. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo không nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xuất phát từ việc mưu sinh bị cáo đi xách hàng thuê, khi được thuê mang vàng về Việt Nam bị cáo cũng chỉ được hưởng tiền công 100.000 đồng/1 miếng, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 189, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, Điều 3 Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt bị cáo hình phạt tù từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Bích Đ nhất trí về tội danh điều luật áp dụng như Viện kiểm sát truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về nhân thân bị cáo: Trong quá trình sinh sống tại địa phương không có tiền án tiền sự, có ba con nhỏ đều dưới 15 tuổi trong đó có 01 cháu nhỏ nhất bị khuyết tật chậm phát triển trí tuệ cần phải điều trị thường xuyên do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 189, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bích Đ hình phạt tiền, số tiền 1 tỷ đồng.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, xin được hưởng sự khoan hồng của Nhà nước. Bị cáo Cù Thị H xin hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội; Các bị cáo Hoàng Thị T2, Nguyễn Thị Bích Đ, Trần Thị G xin Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội của tang, kết luận giám định và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận:

Các bị cáo Cù Thị H, Hoàng Thị T2, Nguyễn Thị Bích Đ, Trần Thị G là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có sức khỏe, có nhận thức hiểu biết pháp luật. Mặc dù biết vận chuyển trái phép hàng hóa (vàng) qua biên giới là vi phạm pháp luật, nhưng do thiếu ý thức chấp hành pháp luật. Ngày 04/9/2025 các bị cáo đã có hành vi che giấu cơ quan chức năng, không kê khai, không làm thủ tục khai báo

hải quan để vận chuyển trái phép số vàng khác nhau từ Trung Quốc sang Việt Nam qua Cửa khẩu Quốc tế L4.

Về hành vi cụ thể của từng bị cáo được xác định như sau:

Đối với bị cáo Cù Thị H là người trực tiếp vận chuyển 03 miếng vàng (A), khối lượng 849,4 gam có giá trị 2.627.400.000 đồng và đưa cho Hoàng Thị T2 vận chuyển 01 miếng vàng (Au) có khối lượng 281,4 gam, hàm lượng Vàng trung bình 99,95%, giá trị 870.464.000 đồng. Vì vậy, Cù Thị H phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án và chịu trách nhiệm với tổng số vàng (A) vận chuyển trái phép là 1.130,8g tương đương với số tiền 3.497.864.000 đồng).

Đối với bị cáo Hoàng Thị T2 là người được bị cáo Cù Thị H đưa cho vận chuyển 01 miếng vàng (A) khối lượng 281,4 gam, hàm lượng Au trung bình 99,95%, giá trị 870.464.000 đồng (chưa nhận tiền công vận chuyển). Do đó bị cáo T2 đồng phạm với bị cáo H và phải chịu trách nhiệm hình sự tương đương với số vàng bị cáo đã vận chuyển từ Trung Quốc về Việt Nam

Đối với bị cáo Nguyễn Thị Bích Đ và bị cáo Trần Thị G đều nhận vàng (A) từ người khác vận chuyển về Việt Nam và cùng bị bắt, do đó các bị cáo Đ, G không phải đồng phạm với H, Đ và chỉ phải chịu trách nhiệm về hành vi vận chuyển trái phép hàng hóa là vàng (Au) qua biên giới khi bị bắt, cụ thể Nguyễn Thị Bích Đ vận chuyển 3 miếng vàng (Au) có khối lượng 841,6 gam, có giá trị tại thời điểm ngày 04/9/2025 là 2.603.272.000 đồng; Trần Thị G vận chuyển 02 miếng vàng có khối lượng là 560,8 gam có giá trị tại thời điểm ngày 04/9/2025 là 1.734.664.000 đồng.

Các bị cáo đều vận chuyển trái phép hàng hóa là vàng (Au) qua biên giới, có giá trị trên 500.000.000 đồng, tương ứng với khung hình phạt theo quy định tại khoản 3 ĐIều 189 của Bộ luật hình sự. Do đó bản Cáo trạng số 13/CT-VKS ngày 21/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai truy tố các bị cáo về tội *"Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới"* theo khoản 3 Điều 189 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về hình phạt:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, đồng thời gây mất trật tự trị an trên địa bàn tỉnh Lào Cai và tạo dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Vì vậy cần có mức hình phạt nghiêm khắc để răn đe, giáo dục, cải tạo đối với các bị cáo và phòng ngừa chung. Đối với bị cáo Hoàng Thị T2, Nguyễn Thị Bích Đ, Trần Thị G, sau khi thụ lý vụ án, quá trình chuẩn bị xét xử, mỗi bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 700.000.000 đồng để bảo đảm thi hành án

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Sau khi phạm tội tại quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải vì vậy cần cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Cù Thị H có bố đẻ là Cù Văn X được nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng Nhì; có anh trai là Cù Ngọc S là Liệt sỹ có xác nhận của UBND xã Đ, tỉnh Phú Thọ. Bị cáo Hoàng Thị T2 có bố là Hoàng Xuân T6 tham gia chiến đấu chiến trường B1 có xác nhận của BCHQS huyện T, tỉnh Hà Nam

(cũ); có con là Dương Hoàng D, sinh năm 2021 bị bệnh Rối loạn phát triển về lời nói và ngôn ngữ, điều trị thường xuyên tại bệnh viện. Bị cáo Nguyễn Thị Bích Đ có con nhỏ Đàm Gia H2, sinh năm 2022 bị bệnh Rối loạn các đặc hiệu về phát triển lời nói và ngôn ngữ, chậm đạt các mốc phát triển, phải thường xuyên điều trị tại bệnh viện

Bị cáo Trần Thị G được hưởng trợ cấp 1 lần đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc theo QĐ 62 ngày 09/11/2011 của Thủ tướng chính phủ

Theo hướng dẫn tại Nghị quyết 04/2025/NQ HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[5] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a, c Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c Khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

-Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 03 miếng vàng (Au) có tổng khối lượng là 841,6 gam thu giữ của Nguyễn Thị Bích Đ; 03 miếng vàng (Au) có tổng khối lượng là 849,4 gam thu giữ của Cù Thị H; 02 miếng vàng (Au) có tổng khối lượng là 560,8 gam thu giữ của Trần Thị G; 01 miếng vàng (Au) có khối lượng 281,4 gam thu giữ của Hoàng Thị T2 có cùng hàm lượng Au trung bình 99,95% và cùng kích thước, một mặt dẹt, một mặt lồi có in hình Đức Phật, chính giữa mép trên mỗi miếng vàng có 01 lỗ nhỏ để luồn dây (Hiện đang gửi tại Kho bạc nhà nước khu vực IX).

Là tài sản các bị cáo sử dụng vào hành vi phạm tội

-01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen, số IMEI: 355708339089145, Số IMEI2: 355708339083577 thu giữ của Nguyễn Thị Bích Đ là điện thoại bị cáo sử dụng để liên lạc trao đổi vận chuyển hàng hóa với người thuê vận chuyển (Phương tiện liên lạc).

-Đối với:

+ Giấy thông hành nhập xuất cảnh vùng biên giới số Y0503408 thu giữ của Nguyễn Thị Bích Đ; Giấy thông hành nhập xuất cảnh vùng biên giới số H3147078 thu giữ của Cù Thị H; Giấy thông hành nhập xuất cảnh số Y0726893 thu giữ của Trần Thị G; Giấy thông hành nhập xuất cảnh vùng biên giới số Y0727872 thu giữ của Hoàng Thị T2, xét thấy đây là giấy thông hành để qua lại biên giới được các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

+01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh số IMEI 1: 358649971022225/01, Số IMEI 2: 358738491022227/01 thu giữ của Cù Thị H. 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu xanh số IMEI 1: 865480062866361/00; Số IMEI 2: 865480062866379/00 thu giữ của Trần Thị G; 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 12 Pro số IMEI 1: 356681116784072, Số IMEI 2: 356681117220852; 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 15 Pro Max số IMEI: 354650919015085, Số IMEI2: 354650919819684 thu giữ của Hoàng Thị T2. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định đây là tài sản của các bị cáo, không sử dụng

vào hành vi phạm tội, tuy nhiên các bị cáo còn phải thi hành án nên cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[8] Về các vấn đề khác:

Đối với người nam giới và nữ giới Trung Quốc là người đã thuê các bị can Cù Thị H, Nguyễn Thị Bích Đ, Hoàng Thị T2, Trần Thị G vận chuyển vàng từ Trung Quốc về Việt Nam. Quá trình điều tra không rõ nhân thân, lai lịch nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để xác minh, làm rõ, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với các bị cáo Cù Thị H, Nguyễn Thị Bích Đ, Hoàng Thị T2 khai nhận đã vận chuyển các miếng trang sức màu vàng từ Trung Quốc về Việt Nam trong ngày 03/9/2025. Quá trình điều tra không thu giữ được vật chứng, không xác định được loại và giá trị hàng hóa. Vì vậy, Cơ quan điều tra không đề cập để xử lý là phù hợp.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Bích Đ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Thị Bích Đ mức phạt tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), xét thấy hành vi của bị cáo là độc lập, tuy nhiên trong vụ án còn có các bị cáo khác, giá trị số hàng hóa vận chuyển của bị cáo cao hơn các bị cáo G, T2, hình phạt tiền 1 tỷ đồng là khởi điểm của khung hình phạt chưa đánh giá đúng mức độ hành vi của bị cáo nên không được chấp nhận.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh, hình phạt:

1.1.Tuyên bố các bị cáo Cù Thị H, Nguyễn Thị Bích Đ, Hoàng Thị T2, Trần Thị G phạm tội "Vận chuyển trái phép hàng hóaqua biên giới".

1.2.Về hình phạt:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 189; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Cù Thị H 05 (năm) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ.

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 189; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58, Điều 35 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Thị T2 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Thời hạn thi hành án tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Xác nhận bị cáo đã tự nguyện nộp 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0000205 ngày 25/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai.

Căn cứ Căn cứ vào Khoản 3 Điều 189; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bích Đ 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng). Thời hạn thi hành án tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Xác nhận bị cáo đã tự nguyện nộp 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0000206 ngày 25/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai.

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 189; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị G 1.050.000.000 đồng (Một tỷ, không trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn thi hành án tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Xác nhận bị cáo đã tự nguyện nộp 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0000207 ngày 25/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c Khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

2.1.Tịch thu nộp ngân sách nhà nước:

-03 miếng vàng (Au) có tổng khối lượng là 841,6 gam thu giữ của Nguyễn Thị Bích Đ; 03 miếng vàng (Au) có tổng khối lượng là 849,4 gam thu giữ của Cù Thị H; 02 miếng vàng (Au) có tổng khối lượng là 560,8 gam thu giữ của Trần Thị G; 01 miếng vàng (Au) có khối lượng 281,4 gam thu giữ của Hoàng Thị T2 có cùng hàm lượng Au trung bình 99,95% và cùng kích thước, một mặt dẹt, một mặt lồi có in hình Đức Phật, chính giữa mép trên mỗi miếng vàng có 01 lỗ nhỏ để luồn dây (Hiện đang gửi tại Kho bạc nhà nước khu vực IX).

-01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen, số IMEI: 355708339089145, Số IMEI2: 355708339083577 thu giữ của Nguyễn Thị Bích Đ.

2.2.Tịch thu tiêu hủy:

-01 Giấy thông hành nhập xuất cảnh vùng biên giới số Y0503408 thu giữ của Nguyễn Thị Bích Đ;

-01 Giấy thông hành nhập xuất cảnh vùng biên giới số H3147078 thu giữ của Cù Thị H;

-01 Giấy thông hành nhập xuất cảnh số Y0726893 thu giữ của Trần Thị G;

-01 Giấy thông hành nhập xuất cảnh vùng biên giới số Y0727872 thu giữ của Hoàng Thị T2.

2.3. Tạm giữ để đảm bảo thi hành án:

-01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh số IMEI 1: 358649971022225/01, Số IMEI 2: 358738491022227/01 thu giữ của Cù Thị H.

-01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu xanh số IMEI 1: 865480062866361/00; Số IMEI 2: 865480062866379/00 thu giữ của Trần Thị G;

-01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 12 Pro số IMEI 1: 356681116784072, Số IMEI 2: 356681117220852; 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 15 Pro Max số IMEI: 354650919015085, Số IMEI2: 354650919819684 thu giữ của Hoàng Thị T2

3. Về án phí:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 - Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Cù Thị H, Hoàng Thị T2, Nguyễn Thị Bích Đ, Trần Thị G mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lý Thị Minh Yên

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Lào Cai;
-VKSND tỉnh + KV 6;
-Các bị cáo;
-Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh Lào Cai;
-Thi hành án phạt tù;
- THADS tỉnh Lào Cai;
- Phòng PV 06-CA tỉnh Lào Cai;
- Lưu hồ sơ + TA.